

Số: 763/2026/QĐST-HNGĐ.

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 723/2026/HNGĐST ngày 21-5-2026 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Anh **Trần Trung H**, sinh năm 1990, căn cước số 025090017804 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 06-9-2021. Nơi thường trú: **Khu B, xã V, tỉnh Phú Thọ**. Nơi ở: **Số C ngõ C M, phường T, thành phố Hà Nội**.

2. Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1989, căn cước công dân số 040189015584 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 06-9-2021. Nơi thường trú: **Khu B, xã V, tỉnh Phú Thọ**. Nơi ở: **Số C ngõ C M, phường T, thành phố Hà Nội**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về hôn nhân:

Anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị H1** tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 18 ngày 16-10-2015 của **UBND xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ** (nay là **UBND xã V, tỉnh Phú Thọ**). Thời kỳ đầu hôn nhân thì tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính không hợp, bất đồng quan điểm. Từ tháng 9-2024 vợ chồng sống ly thân đến nay. Anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị H1** đã cố gắng hàn gắn tình cảm không đạt kết quả nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội giải quyết thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình để ổn định cuộc sống.

[2]. Về con chung:

Anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị H1** có 01 con chung là **Trần Nguyễn Hải A**, giới tính nam, sinh ngày 03-5-2016. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận:

- Giao con chung **Trần Nguyễn Hải A** cho anh **Trần Trung H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Anh **Trần Trung H** tự nguyện không yêu cầu chị **Nguyễn Thị H1** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Con chung **Trần Nguyễn Hải A** cũng có nguyện vọng ở với anh **Trần Trung H**. Như vậy, nội dung thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con của anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị H1** là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Tài sản chung: Anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị Hoài T** thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Nợ chung: Anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị H1** cam kết không có nợ chung, không phát sinh nghĩa vụ dân sự, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về lệ phí ly hôn: Anh **Trần Trung H** tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và hoà giải thành ngày 25-5-2026 là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và hoà giải thành nhưng đương sự không thay đổi ý kiến về nội dung đã thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị Hoài T**.

2. Về con chung:

- Anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị H1** có 01 con chung là **Trần Nguyễn Hải A**, giới tính nam, sinh ngày 03-5-2016.

- Giao cháu **Trần Nguyễn Hải A** cho anh **Trần Trung H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Trần Trung H** không yêu cầu chị **Nguyễn Thị H1** phải cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật.

- Chị **Nguyễn Thị H1** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị Hoài T** thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh **Trần Trung H** và chị **Nguyễn Thị H1** cam kết không có nợ chung, không phát sinh nghĩa vụ dân sự, không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

II. Về lệ phí ly hôn: Anh **Trần Trung H** tự nguyện nhận nộp toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai số 0012047 ngày 19-5-2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội. Anh **Trần Trung H** đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội.
- Phòng THADS Khu vực 4 – Hà Nội.
- UBND xã Vĩnh Chân, tỉnh Phú Thọ.
- Anh Trần Trung Hiếu.
- Chị Nguyễn Thị Hoài.
- Lưu HS/VPTA.

Thẩm phán

Lê Trí Cường